

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13 – 6 – 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hội.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thường; Ông Rmah In.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Niềm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 176/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Xuân T, sinh năm 1985 (*có mặt*)

Địa chỉ: Xóm Đồng T, xã Đồng T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn B, xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2023, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn anh Ngô Xuân T, trình bày:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Ngô Xuân T và chị Nguyễn Thị P chung sống với nhau từ năm 2009, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng T, huyện

Yên T, tỉnh Nghệ An. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị P có tính hay chơi cờ bạc nên thường hay cãi nhau, anh T khuyên nhủ nhưng chị P không nghe. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông giải quyết cho anh Ngô Xuân T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

[2] Về con chung: Anh Ngô Xuân T và chị Nguyễn Thị P có 02 người con chung, cháu tên Ngô Xuân T1, sinh ngày 04/01/2010; Ngô Thị P1, sinh ngày 22/9/2013.

Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngô Xuân T1. Giao cháu Ngô Thị P1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 26/10/2023 cháu Ngô Xuân T1 khai: Cháu là con của mẹ Nguyễn Thị P và ba Ngô Xuân T. Hiện tại cha mẹ đã không còn ở với nhau nữa và đang làm thủ tục ly hôn, khi cha mẹ cháu ly hôn không ở với nhau nữa, cháu muốn được trực tiếp ở với ba Ngô Xuân T.

Tại bản tự khai ngày 26/10/2023 cháu Ngô Thị P1 khai: Cháu là con của mẹ Nguyễn Thị P và ba Ngô Xuân T. Cháu vẫn biết ba và mẹ đang làm thủ tục ly hôn, khi cha mẹ cháu ly hôn không ở với nhau nữa, cháu muốn được trực tiếp ở với mẹ P và ông bà ngoại. Vì từ nhỏ cháu được ông ngoại là Nguyễn Xuân A và bà ngoại là Nguyễn Thị N chăm sóc và nuôi dưỡng, mặc dù mẹ không ở gần nhưng mẹ vẫn thường xuyên gọi điện thoại và quan tâm cháu và có gửi tiền về cho ông bà ngoại.

[3] Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị P không hợp tác nên không thể làm việc được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương: Chị Nguyễn Thị P hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, chủ hộ là ông Nguyễn Xuân A là cha chị P, mẹ là bà Nguyễn Thị N. Hiện nay chị Nguyễn Thị P không có mặt tại địa phương, đang đi làm xa ở Phú Quốc nhưng không rõ địa chỉ, chị P vẫn thường xuyên về thăm con gái và gia đình, mới đây chị P có về tại Công an xã Khuê Ngọc Đ làm căn cước công dân.

Tòa án đã niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại chính quyền địa phương và nơi cư trú của bị đơn.

Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị P đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2024 ông Nguyễn Xuân A, khai: tôi là cha ruột của Nguyễn Thị P, là bố vợ của Ngô Xuân T. Việc ly hôn thì do vợ chồng quyết định, vì thực tế các con đã không còn ở với 08 năm rồi. Cháu ngoại Ngô Thị P1 đang ở với gia đình tôi từ lúc hơn một tuổi đến bây giờ. Do con gái đi làm ăn xa nên gửi cháu P1 cho gia đình tôi nuôi dưỡng, có gửi tiền về cho tôi để nuôi cháu P1 ăn học. Tòa án đã gửi các văn bản cho tôi để tôi giao cho con tôi, sau khi nhận được các văn bản của Tòa án tôi có gọi cho con gái thông báo nội dung và nói con về để giải quyết ly hôn nhưng con gái nói đi làm ăn xa không về được.

Qua xác minh tại ban tự quản thôn B, xã Khuê Ngọc Đ: Chị P có đăng ký hộ khẩu tại thôn B nhưng hiện không có mặt ở địa phương, vừa rồi có về nhà để làm căn cước công dân, ban tự quản được biết hiện cháu cháu Ngô thị P1 đang trực tiếp ở với gia đình ông Nguyễn Xuân A.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Ngô Xuân T vẫn giữ nguyên quan điểm là xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị P vì vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay nên không có khả năng đoàn tụ. Về con chung: anh T vẫn giữ quan điểm có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Xuân T1 và gia cháu Ngô Thị P1 cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, vì anh T là người nuôi cháu T1 và chị P nuôi cháu P1 từ lúc không còn chung sống với nhau đến nay. Anh T không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông trình bày quan điểm đối với việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật về phiên toà sơ thẩm. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, các thủ tục tố tụng đã niêm yết đầy đủ, tại phiên tòa hôm nay đã được mở lần thứ hai nên việc HĐXX vẫn tiến hành xét xử là bảo đảm đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng

cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bị đơn không hợp tác, cố tình vắng mặt.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định anh T và chị P đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay, mâu thuẫn gia đình của anh T và chị P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 227 và 228 BLTTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Ngô Xuân T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P. Về con chung: giao cháu Ngô Xuân T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Ngô Thị P1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Anh Ngô Xuân T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa anh Ngô Xuân T với chị Nguyễn Thị P, do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Bông nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân huyện Krông Bông thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị P vắng mặt lần thứ hai, quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị P là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Xuân T và chị Nguyễn Thị P chung sống với nhau từ năm 2009, đến năm 2011 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng

T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 14/02/2011. Chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau, chị P có tính hay chơi cờ bạc nên xảy ra mâu thuẫn gia đình. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Anh Tuấn xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông giải quyết cho anh Ngô Xuân T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niên yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại nơi cư trú và tại chính quyền địa phương thôn B, xã Khuê Ngọc Đ. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, chị Nguyễn Thị P vẫn có hộ khẩu tại địa phương và không có nơi cư trú nào khác, đi làm ở Phú Quốc nhưng không rõ địa chỉ, chị P vẫn thường xuyên về nhà thăm con và cha mẹ, mới đây chị P có về công an xã Khuê Ngọc Đ làm căn cước công dân. Các văn bản tố tụng đã được giao cho ông Nguyễn Xuân A là bố của chị P, ông A cũng đã thông báo cho chị P nội dung các văn bản và có nói chị P về để giải quyết ly hôn nhưng chị P nói không về được. Anh T cũng trình bày quá trình tòa án giải quyết vụ án thì anh T cũng nhiều lần liên lạc bằng điện thoại cho chị P nhưng chị P nói là không về được, anh T tự giải quyết. Như vậy, chị Nguyễn Thị P đã được ông A, anh T và Tòa án thông báo nội dung vụ án và yêu cầu về tòa án để làm việc nhưng chị P không chấp hành, chị P đã biết được việc anh T đang yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với chị nhưng chị P đều vắng mặt không có lý do, có tình trốn tránh không hợp tác làm việc, chị P tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Qua lời trình bày của đương sự và biên bản xác minh tại ban tự quản thôn và chính quyền địa phương, HĐXX xét thấy giữa anh T và chị P thực tế có xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị P có tính hay chơi cờ bạc nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gia đình. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, nay anh T yêu cầu giải quyết ly hôn. Căn cứ vào chứng cứ nêu trên để khẳng định giữa anh T và chị P mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng. Anh T và chị P không còn chung với nhau đã lâu, không còn có sự thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vi phạm thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không

còn khả năng đoàn tụ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh T cần được HĐXX chấp nhận, cho anh Ngô Xuân T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Ngô Xuân T và chị Nguyễn Thị P có 02 người con chung, cháu tên Ngô Xuân T1, sinh ngày 04/01/2010; Ngô Thị P1, sinh ngày 22/9/2013.

Khi ly hôn, anh Ngô Xuân T có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Xuân T1, giao cháu Ngô Thị P1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa anh T cũng giữ nguyên ý kiến, đây cũng là ý kiến về nguyện vọng của cháu Ngô Xuân T1 khi cha mẹ ly hôn thì muốn được ở với ba, cháu P1 muốn được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của cháu T1, cháu P1 và nguyện vọng của anh T là chính đáng, kể từ khi sống ly thân đến nay thì anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, cháu P1 do chị P nuôi dưỡng nhưng do phải đi làm xa nên gửi cho ông bà ngoại trực tiếp nuôi dưỡng nên HĐXX cần chấp nhận giao con chung là Ngô Xuân T1 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Ngô Thị P1 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

3. *Về án phí:* Anh phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 144, Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 241; 266; 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Xuân T đối với bị đơn chị Nguyễn Thị P về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Ngô Xuân T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P. Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 14/02/2011 do Ủy ban nhân dân xã Đồng T,

huyện Yên T, tỉnh Nghệ An cấp cho anh Ngô Xuân T và chị Nguyễn Thị P hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] *Về con chung*: Giao cháu Ngô Xuân T1, sinh ngày 04/01/2010 cho anh Ngô Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Ngô Xuân T1 đủ tròn 18 tuổi. Giao cháu Ngô Thị P1, sinh ngày 22/9/2013 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Ngô Thị P1 đủ tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật như; có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Để đảm bảo quyền lợi chung của con chưa đủ tuổi thành niên, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về án phí*: Anh Ngô Xuân T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003437 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông. Anh T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng T,
H. Yên T, T. Nghệ An;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi